

Số: 44/2022/QĐST-HNGĐ

Ba Tri, ngày 16 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2022/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị M, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 402/GA, ấp Gi, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Anh T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 402/GA, ấp Gi, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M và anh T. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 49 (Quyển số 01/2005), ngày 10/10/2005 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

2.1. Về con chung: Có 03 con chung tên B sinh ngày 26/6/2005; K sinh ngày 10/4/2008 và H sinh ngày 28/6/2013. Chị M có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung B, K (phù hợp với nguyện vọng muốn sống với mẹ của cháu B, cháu K).

Anh T có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H (phù hợp với nguyện vọng muốn sống với cha của cháu H).

Chị Mai, anh Tâm không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Không có.

2.4. Án phí hôn nhân và gia đình do hòa giải thành được giảm 50% là: 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng chị M đồng ý nộp. Số tiền án phí chị M phải nộp được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003696 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ chị M được nhận lại số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã A, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng